

Số: 147/BC-UBND

An Giang, ngày 21 tháng 02 năm 2024

BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH
Quy định về định mức, nội dung, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục, tiêu chí
lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng
trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương
trình mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc
thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021
đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh An Giang

Thực hiện quy định Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Quốc Hội; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 63/2020/QH14 ngày 18 tháng 6 năm 2020 của Quốc Hội; Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Căn cứ Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội về việc phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030;

Căn cứ Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030;

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Nghị định 27/2022/ NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định về cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định về cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban Dân tộc và Thông tư số 02/2023/TT-UBND ngày 21 tháng 8 năm 2023 của

Ủy ban Dân tộc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Nghị quyết số 16/2022/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh An Giang giai đoạn 2021 - 2030 giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Quyết định 2620/QĐ-UBND ngày 27 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện tổng thể Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh An Giang giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng báo cáo đánh giá tác động quy định về định mức, nội dung, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh An Giang, với các nội dung như sau:

I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BẮT CẬP TỔNG QUAN

1. Bối cảnh xây dựng chính sách

Dân số tỉnh An Giang gần 1,913 triệu người với trên 460 ngàn hộ, trong đó dân tộc Kinh chiếm đa số (1.815.712 người, chiếm 95,15 %), dân tộc Khmer (75.878 người, chiếm 3,98%), dân tộc Chăm (11.171 người, chiếm 0,59%), dân tộc Hoa (5.233 người, chiếm 0,27%); còn lại là dân tộc thiểu số khác sinh sống rải rác trên địa bàn. Địa bàn sinh sống của đồng bào dân tộc thiểu số chủ yếu ở vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới.

Tỉnh An Giang có 16 xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số, trong đó có 07 xã đặc biệt khó khăn và 34 ấp đặc biệt khó khăn theo Quyết định 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2025; Căn cứ Quyết định 612/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc phê duyệt danh sách các thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025, trong đó tỉnh An Giang có tổng số 34 ấp đặc biệt khó khăn. Ngoài ra, An Giang có huyện Tri Tôn được công nhận là huyện nghèo theo Quyết định số 353/QĐ-TTg, ngày 15 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ, đây là huyện có đông đồng bào dân tộc thiểu số Khmer sinh sống.

Chính sách dân tộc luôn được Đảng và Nhà nước quan tâm đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách để chăm lo cho đồng bào dân tộc thiểu số và được tổ chức triển khai trên địa bàn tỉnh An Giang, đã đem lại hiệu quả rõ rệt trong việc phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc, nhiều hộ nghèo dân tộc thiểu số được thụ hưởng chính sách tập trung vào việc chăn nuôi, sản xuất tăng thu nhập, từng bước vươn lên thoát nghèo; tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số được duy trì ổn định. Hiệu quả về kinh tế - xã hội đã góp phần củng cố, hoàn thiện hệ thống chính trị cơ sở, nâng cao lòng tin của nhân dân, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, chương trình chính sách dân tộc trong thời gian qua còn dàn trải, rời rạc, nhiều ngành quản lý thiếu tập trung nguồn lực nên đạt hiệu quả chưa cao.

Ngày 18 tháng 11 năm 2019 Quốc Hội đã ban hành Nghị quyết số 88/2019/QH14 về việc phê duyệt đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030; Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025, gồm 10 Dự án và 14 Tiểu dự án và Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định 2620/QĐ-UBND ngày 27 tháng 10 năm 2022 kế hoạch thực hiện tổng thể Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh An Giang giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 với mục tiêu: khai thác tiềm năng, lợi thế của tỉnh và vùng đồng bào, đẩy mạnh phát triển kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội; giảm nghèo nhanh, bền vững, thu hẹp dần khoảng cách về mức sống, thu nhập của vùng đồng bào dân tộc thiểu số so với bình quân chung của cả nước; giảm dân số xã, ấp đặc biệt khó khăn; quy hoạch, sắp xếp ổn định dân cư, xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, liên vùng, kết nối với các vùng phát triển; phát triển toàn diện giáo dục, đào tạo, y tế, văn hóa; cải thiện rõ rệt đời sống nhân dân; nâng cao số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động là người dân tộc thiểu số; giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của các dân tộc thiểu số đi đôi với xóa bỏ phong tục, tập quán lạc hậu; thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em; xây dựng hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh, giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, đảm bảo an ninh biên giới quốc gia; củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết các dân tộc, nâng cao niềm tin của đồng bào các dân tộc đối với Đảng và Nhà nước.

2. Mục tiêu xây dựng chính sách

Quy định về định mức, nội dung, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh An Giang, đảm bảo nguyên tắc:

a) Đảm bảo dân chủ, công khai, minh bạch, công bằng và tuân thủ đúng các quy định của pháp luật.

b) Ưu tiên hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, tập trung xây dựng vùng nguyên liệu ổn định, hỗ trợ áp dụng kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ, nâng cao năng lực sơ chế, chế biến và phát triển thị trường.

- Với các địa phương đã bước đầu hình thành sản xuất theo chuỗi giá trị thì tập trung hỗ trợ củng cố, mở rộng, nâng cấp liên kết chuỗi giá trị gắn với tiêu thụ sản phẩm hiện có.

- Nhiều địa phương có tiềm năng, thế mạnh trong phát triển nguồn nguyên liệu, có điều kiện phát triển sản xuất hàng hóa thì tập trung hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị mới do các tổ chức kinh tế và người dân trong vùng cùng tham gia thực hiện.

c) Với các địa phương không có điều kiện thực hiện phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị thì tập trung hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế cộng đồng.

d) Hỗ trợ phát triển sản xuất có trọng tâm, trọng điểm; ưu tiên hỗ trợ phát triển sản xuất các sản phẩm đặc sản, đặc hữu, có lợi thế so sánh, có giá trị kinh tế cao, có ý nghĩa quan trọng đối với giảm nghèo, phát triển bền vững, bảo vệ môi trường sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu, quản lý rủi ro thiên tai, thúc đẩy bình đẳng giới, hỗ trợ sản xuất gắn với củng cố quốc phòng an ninh.

e) Hỗ trợ phát triển sản xuất có chu kỳ đủ dài để đảm bảo tính ổn định, hiệu quả, duy trì bền vững và khả năng nhân rộng của mô hình, dự án nhưng thời gian hỗ trợ không quá 05 năm, không vượt quá thời hạn thực hiện giai đoạn I của Chương trình đến hết năm 2025.

II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH

1. Chính sách 1: Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị

1.1. Xác định vấn đề bất cập

Hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025, theo quy định và hướng dẫn của các bộ, ngành trung ương thì hoạt động được triển khai với các hình thức dự án khác nhau, tùy theo điều kiện của từng địa phương; trong đó, có dự án hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị. Việc quy định các nội dung thực hiện đối với dự án này trên địa bàn tỉnh chưa được ban hành, thực hiện ở giai đoạn trước đây.

Do đó, nhằm đảm bảo triển khai đầy đủ các nội dung hoạt động sản xuất hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất của Chương trình thì việc xây dựng và ban hành quy định một số nội dung thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị (khoản 12 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ) trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh An Giang là cần thiết và phù hợp quy định của Chương trình.

1.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Quy định mức chi ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện dự án, kế hoạch, phương án, nhiệm vụ phát triển sản xuất; nội dung hỗ trợ dự án, kế hoạch liên kết theo chuỗi giá trị; mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch liên kết trong các ngành, nghề, lĩnh vực khác không thuộc lĩnh vực sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; nội dung hỗ trợ, trình tự, thủ tục, mẫu hồ sơ, tiêu chí lựa chọn dự án, phương án sản xuất.

Khuyến khích, thu hút các doanh nghiệp (sản xuất, chế biến, kinh doanh), hợp tác xã tham gia vào chuỗi giá trị có từ 70% tổng số lao động trở lên là người dân tộc thiểu số.

Tăng cường huy động nguồn vốn hợp pháp để tăng vốn đầu tư thực hiện chính sách.

1.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Giải pháp 1: Tham mưu xây dựng, ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về định mức, nội dung, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh An Giang theo quy định tại Nghị định số 38/2023/NĐ-CP

Giải pháp 2: Áp dụng theo Nghị quyết 24/2022/NQ-HĐND hoặc áp dụng trực tiếp các hướng dẫn của trung ương để triển khai thực hiện, không trình Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách hỗ trợ.

1.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

a) Đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách:

- Các sở, ban ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố có liên quan được giao quản lý, sử dụng vốn ngân sách nhà nước để thực hiện dự án thuộc chương trình.

- Tổ chức, cá nhân có liên quan trong quản lý, tổ chức thực hiện các hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025.

b) Tác động của giải pháp

Giải pháp 1:

- Tác động tích cực:

+ Làm cơ sở để địa phương triển khai thực hiện dự án thống nhất đảm bảo công khai, minh bạch và có sự tham gia của người dân từ khâu khảo sát, xây dựng, thẩm định, phê duyệt đến tổ chức thực hiện dự án hiệu quả, đảm bảo theo đúng các quy định của Chương trình.

+ Đẩy mạnh phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị trên địa bàn tỉnh, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất các sản phẩm có tiềm năng thế mạnh của vùng đồng bào dân tộc thiểu số góp phần tạo việc làm, tăng thu nhập trực tiếp cho người dân tộc thiểu số giúp thoát nghèo bền vững và đóng góp vào phát triển kinh tế xã hội tại địa phương.

+ Sản phẩm nông nghiệp sản xuất của đối tượng hỗ trợ từ dự án được thu mua, tiêu thụ với giá cả ổn định hơn, giảm thiểu rủi ro cho người sản xuất. Thông qua liên kết có thể chủ động nguồn cung sản phẩm có chất lượng, được quản lý chặt chẽ hơn theo quy trình sản xuất an toàn và tiêu chuẩn phù hợp theo yêu cầu của thị trường.

+ Các tổ chức (Doanh nghiệp, Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã) và đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo tham gia dự án được xem xét cho vay hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị tại Điều 32 Chương VI Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ về chính sách tín dụng ưu đãi thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

- Tác động tiêu cực: không.

Giải pháp 2:

- Tác động tích cực:

Thực hiện điều chỉnh sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ Nghị quyết 24/2022/NQ-HĐND và ban hành Nghị quyết mới áp dụng chung cho 03 Chương trình mục tiêu quốc gia. Trình tự các bước tiến hành tham mưu ban hành văn bản quy phạm theo quy định được dễ dàng hơn.

- Tác động tiêu cực:

Nếu sửa đổi, bổ sung Nghị quyết 24/2022/NQ-HĐND sẽ điều chỉnh nhiều nội dung, thể thức văn bản Nghị quyết vì khác biệt về phạm vi đối tượng áp dụng và nội dung được điều chỉnh theo Quyết định 1719/QĐ-TTg ngày 18/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ, hướng dẫn của Ủy ban Dân tộc và nhiều nội dung cần phải điều chỉnh phù hợp với Nghị định 38/2023/NĐ-CP đã sửa đổi bổ sung Nghị định 27/2022/NĐ-CP, Thông tư 55/2023/TT-BTC thay thế Thông tư 15/2022/TT-BTC của Bộ Tài chính. Nếu không ban hành nghị quyết thì không thực hiện theo hướng dẫn của Trung ương và không có cơ sở pháp lý để địa phương triển khai thực hiện đối với giải ngân nguồn vốn thực hiện nội dung này và đối tượng người dân không được thụ hưởng chính sách.

1.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

- Tham mưu xây dựng, ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về định mức, nội dung, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021

- 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh An Giang đảm bảo theo quy định tại Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ tại khoản 12 Điều 1 (sửa đổi bổ sung Điều 20 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP) và điểm đ khoản 22 Điều 1 (sửa đổi bổ sung Điều 40 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP). Trường hợp nếu không ban hành Nghị quyết để quy định chính sách hỗ trợ thì sẽ không đảm bảo và tuân thủ theo quy định của Chính phủ về thực hiện Chương trình, tại Khoản 12 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP (sửa đổi bổ sung Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP), quy định của Luật Ngân sách nhà nước và hướng dẫn của bộ, ngành trung ương.

- Xây dựng, thực hiện dự án mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Thông tư số 02/2023/TT-UBDT (sửa đổi bổ sung Điều 19 Thông tư số 02/2022/TT-UBDT).

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp với vai trò, nhiệm vụ của Mặt trận cùng tham gia tuyên truyền, phổ biến và giám sát việc thực hiện chính sách của Chương trình.

2. Chính sách 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế cộng đồng

2.1. Xác định vấn đề bất cập

Giai đoạn 2018 -2020 Chương trình 135 là chương trình được Trung ương hỗ trợ đầu tư phát triển kinh tế - xã hội ở các xã đặc biệt khó khăn, biên giới vùng đồng bào dân tộc thiểu số, với nội dung thực hiện đầu tư cơ sở hạ tầng; hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hoá sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo. Được Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 15/2018/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2018 về mức chi hỗ trợ dự án phát triển sản xuất, đa dạng hoá sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo để áp dụng triển khai trên địa bàn, đã hỗ trợ phát triển sản xuất thực hiện được 268 lớp tập huấn cho 6.378 nông dân; xây dựng 275 mô hình trình diễn áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất; hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, vật tư sản xuất cho 2.612 hộ nghèo; hỗ trợ mua sắm thiết bị máy móc cho 851 hộ nghèo, nhóm hộ. Thông qua việc thực hiện chính sách hỗ trợ của Chương trình 135 đã góp phần cải thiện cuộc sống của hộ đồng bào dân tộc thiểu số, vươn lên thoát nghèo tỷ lệ giảm nghèo bình quân hàng năm giảm từ 3 đến 4 % đạt so với kế hoạch đặt ra.

Chương trình chính sách dân tộc đã được tích hợp vào Chương trình mục tiêu quốc gia tại Quyết định 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 -2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025, ở Tiểu dự án 2 của Dự án 3 “*Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hoá theo chuỗi giá trị*” và căn cứ theo Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định về cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia quy định, đối với nội dung: Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá

trị và hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng với nguồn vốn được phân bổ thực hiện là nguồn vốn sự nghiệp được Bộ Tài chính hướng dẫn Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 về quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025.

Đối với Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững đã được Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị Quyết số 24/2022/NQ-HĐND ngày 11 tháng 11 năm 2022 về việc Ban hành Quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh An Giang.

Vì vậy, việc ban hành Nghị quyết quy định về định mức, nội dung, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh An Giang thì cần ban hành cơ chế hỗ trợ, các quy định mới phù hợp với tình hình thực tế và theo quy định của Chính phủ và các bộ, ngành trung ương.

Bên cạnh đó, đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số chủ yếu tập trung sinh sống ở vùng sâu, vùng biên giới, địa bàn vùng đặc biệt khó khăn, tỷ lệ hộ nghèo chiếm tỷ lệ khá cao so với tỷ chung cả tỉnh, theo chuẩn nghèo đa chiều, đầu năm 2022 có 4.026 hộ tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số chiếm tỷ lệ 14,85%/tổng số hộ dân tộc thiểu số, dân trí thấp, chất lượng nguồn nhân lực thấp, khó cạnh tranh tiếp cận thị trường lao động, việc làm, tập quán sản xuất còn mang tính truyền thống chậm chuyển đổi, trong khi ở địa bàn vùng dân tộc có điều kiện sinh kế đầy mạnh phát triển sản phẩm đặc trưng của đồng bào dân tộc, chính sách hỗ trợ tạo sinh kế việc làm cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số góp phần giải quyết việc làm ổn định cuộc sống từng bước vươn lên thoát nghèo.

Ngoài ra, tại điểm đ khoản 22 Điều 1 của Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định về cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia quy định: *“Định mức chi ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện dự án, kế hoạch, phương án, nhiệm vụ phát triển sản xuất theo quy định tại Điều 21, Điều 22; nội dung hỗ trợ dự án, kế hoạch liên kết theo chuỗi giá trị; mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch liên kết trong các ngành, nghề, lĩnh vực khác không thuộc lĩnh vực sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp quy định tại Điều 21; nội dung hỗ trợ, trình tự, thủ tục, mẫu hồ sơ, tiêu chí lựa chọn dự án, phương án sản xuất theo quy định tại Điều 22 Nghị định này”*

Do đó, việc xây dựng Nghị quyết quy định chính sách là thực sự cần thiết và phù hợp với các quy định của pháp luật.

2.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề bất cập

Điều kiện hỗ trợ, nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ dự án, phương án sản xuất, dịch vụ của cộng đồng, trình tự, thủ tục thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hoá sinh kế cộng đồng và định mức, phương thức hỗ trợ.

2.3. Các giải pháp đề xuất

Giải pháp 1: Tham mưu xây dựng, ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về định mức, nội dung, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh An Giang theo quy định tại điểm đ khoản 22 Điều 1 của Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

Giải pháp 2: Vận dụng nội dung, định mức hỗ trợ của Nghị quyết 24/2022/NQ-HĐND ngày 11 tháng 11 năm 2022 ban hành quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh An Giang.

2.4. Đánh giá tác động của giải pháp đề xuất.

a) Đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách:

- Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo (trong vòng 36 tháng kể từ thời điểm hộ được cấp có thẩm quyền công nhận thoát nghèo) trên phạm vi địa bàn xã, ấp vùng đồng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ dân tộc thiểu số, người có công với cách mạng, phụ nữ thuộc hộ nghèo. Ưu tiên hộ nghèo là người dân tộc thiểu số; hộ nghèo do phụ nữ làm chủ hộ và là lao động duy nhất, trực tiếp nuôi dưỡng người thân không còn khả năng lao động hoặc chưa đến tuổi lao động. Ưu tiên dự án do nhóm hộ, tổ hợp tác có trên 50% số thành viên là phụ nữ đề xuất.

- Tổ chức và cá nhân có liên quan.

b) Tác động của giải pháp:

Giải pháp 1:

- Tác động tích cực:

+ Thực hiện mục tiêu tạo việc làm nâng cao thu nhập cho hộ gia đình dân tộc thiểu số giảm nghèo bền vững, hạn chế tái nghèo và phát sinh nghèo; hỗ trợ người nghèo, hộ nghèo vượt lên mức sống tối thiểu, tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia, nâng cao chất lượng cuộc sống. Góp phần đạt mục tiêu tỷ lệ giảm nghèo trong đồng bào dân tộc tỷ số 3-4 %/năm kế

hoạch đặt ra của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

+ Làm cơ sở để địa phương triển khai thực hiện dự án thống nhất đảm bảo công khai, minh bạch và có sự tham gia của người dân từ khâu xây dựng, thẩm định, phê duyệt đến tổ chức thực hiện dự án hiệu quả, đảm bảo theo đúng các quy định của Chương trình.

+ Tạo điều kiện, sự chủ động cho đối tượng chương trình được tiếp cận chính sách theo đúng quy định và phát triển sản xuất. Đồng thời, tăng cường mối quan hệ trong cộng đồng dân cư thông qua việc hình thành các nhóm hộ, tổ hợp tác cùng quản lý, tương trợ nhau làm kinh tế, giúp tăng thu nhập, vươn lên thoát nghèo, góp phần giảm tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn và thực hiện thắng lợi mục tiêu của Chương trình.

- Tác động tiêu cực: không

Giải pháp 2:

- Tác động tích cực:

Trình tự các bước điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết để thực hiện theo quy định Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

- Tác động tiêu cực:

Sẽ điều chỉnh nội dung, đối tượng và thể thức, bố cục, kết cấu lại văn bản Nghị quyết. Vì Nghị quyết làm cơ sở căn cứ theo Nghị định 27/2022/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2022 nay đã được điều chỉnh, bổ sung bởi Nghị định 38//2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ và Thông tư 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 đã được thay thế Thông tư 15/2022/TT-BTC ngày 04 tháng 3 năm 2022 của Bộ Tài chính.

2.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

- Tham mưu xây dựng, ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định về định mức, nội dung, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh An Giang đảm bảo theo quy định tại điểm đ khoản 22 Điều 1 của Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định về cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia. Trường hợp nếu không ban hành Nghị quyết để quy định chính sách hỗ trợ thì sẽ không đảm bảo và tuân thủ theo quy định của Chính phủ về thực hiện Chương trình.

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp quan tâm cùng tham gia hỗ trợ, tuyên truyền, phổ biến và giám sát việc thực hiện chính sách.

III. Ý KIẾN THAM VẤN

- Giao Ban Dân tộc chủ trì xây dựng dự thảo Báo cáo quy định về định mức, nội dung, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh An Giang; lấy ý kiến bằng văn bản các sở, ban ngành tỉnh có liên quan, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố có liên quan và tổng hợp ý kiến, điều chỉnh nội dung tiếp thu ý kiến và không tiếp thu ý kiến có giải trình nếu nội dung góp ý của đối tượng chịu tác động trực tiếp thực hiện chính sách có nhiều nội dung góp ý có liên quan đến thực hiện chính sách thì sẽ tổ chức lấy ý kiến lần 2 và tiếp tục hoàn chỉnh Báo cáo.

- Lấy ý kiến bằng văn bản của Sở Tư pháp.

IV. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ

- Giao Ban Dân tộc chủ trì phối hợp các sở, ban ngành tỉnh có liên quan, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện và kiểm tra, giám sát theo quy định.

- Các Sở, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố căn cứ chức năng, nhiệm vụ phối hợp với Ban Dân tộc hướng dẫn, triển khai thực hiện.

- Trong quá trình ban hành chính sách có phát sinh thủ tục hành chính, đây là sự cần thiết nhằm đảm bảo các yêu cầu sau:

+ Đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước và thực hiện các biện pháp có tính chất đặc thù để phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh.

+ Bảo đảm quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức.

+ Là phương án, giải pháp tối ưu trong các phương án, giải pháp có thể được thực hiện để bảo đảm các yêu cầu trên.

- Thủ tục hành chính được đề xuất trong đề nghị xây dựng văn bản theo đúng thẩm quyền được quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020) và các quy định của pháp luật về kiểm soát thủ tục hành chính; bảo đảm tính thống nhất với hệ thống pháp luật; bảo đảm tính tương thích của nội dung chính sách.

- Thủ tục hành chính được đề xuất trong đề nghị xây dựng văn bản đảm bảo tính hợp lý đối với 03 (ba) bộ phận của thủ tục hành chính, gồm tên thủ tục hành chính, đối tượng thực hiện thủ tục hành chính và cơ quan giải quyết thủ tục hành chính.

- Để thực hiện thủ tục hành chính, cá nhân, tổ chức không phải nộp phí, lệ phí.

V. NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Sử dụng từ nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 (nguồn vốn sự nghiệp thực hiện Tiểu dự án 2 của Dự án 3 thuộc Chương trình), gồm:

a) Ngân sách trung ương;

b) Ngân sách địa phương (đối ứng tối thiểu 10% tổng ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện).

c) Vay vốn tín dụng ưu đãi theo Nghị định 28/2022/NĐ-CP ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ về chính sách tín dụng ưu đãi thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2030, giai đoạn I : từ năm 2021 đến năm 2025.

2. Vốn huy động hợp pháp và vốn đóng góp của Nhân dân (nếu có).

Trên đây là báo cáo đánh giá tác động quy định về định mức, nội dung, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh An Giang./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh (b/c);
- Sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND huyện, thị xã, thành phố;
- VP. Đoàn ĐBQH - HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo VPUBND tỉnh;
- Các Phòng: KGVX, KTTH, TH;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Văn Phước